

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	10 - 34

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101809894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 10 năm 2005. Công ty cũng đã nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 9 năm 2020.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thiết bị năng lượng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch	
Ông Hoàng Mạnh Tân	Thành viên	
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên	
Ông Nhữ Văn Hoan	Thành viên	
Bà Lương Diệu Cẩm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Ông Đàm Quang Hùng	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Bùi Minh Trang	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Mai Chung	Trưởng Ban	bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Khánh Linh	Trưởng Ban	miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Lê Thị Thắm	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thanh Thúy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021
Bà Đào Thị Thảo	Thành viên	miễn nhiệm ngày 15 tháng 6 năm 2021

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Mạnh Tân	Giám đốc
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Đinh Đức Tuấn	Phó Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Mạnh Tân, Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61607232/22575283/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“Công ty”) được lập ngày 14 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 5 đến trang 34, bao gồm bảng cân đối kế toán giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Mạnh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2401-2018-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		132.391.240.367	161.392.242.527
110	I. Tiền	4	2.559.677.386	8.910.607.965
111	1. Tiền		2.559.677.386	8.910.607.965
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		90.757.514.960	125.480.708.655
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.1	68.756.164.210	104.466.965.530
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5.2	3.247.427.846	2.252.739.325
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	18.078.000.000	15.912.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.072.440.813	4.125.744.729
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	8	(1.396.517.909)	(1.276.740.929)
140	III. Hàng tồn kho	9	37.583.245.933	25.233.315.035
141	1. Hàng tồn kho		37.583.245.933	25.233.315.035
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		1.490.802.088	1.767.610.872
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		360.870.781	449.982.415
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		1.129.931.307	1.317.628.457
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		30.896.279.764	32.102.979.037
220	I. Tài sản cố định		27.996.027.376	29.486.437.300
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.967.046.626	29.447.228.050
222	Nguyên giá		35.623.757.549	35.593.596.217
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(7.656.710.923)	(6.146.368.167)
227	2. Tài sản cố định vô hình		28.980.750	39.209.250
228	Nguyên giá		159.181.000	159.181.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(130.200.250)	(119.971.750)
260	II. Tài sản dài hạn khác		2.900.252.388	2.616.541.737
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.900.252.388	2.616.541.737
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		163.287.520.131	193.495.221.564


Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

B01a-DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		72.576.837.994	100.756.369.782
310	I. Nợ ngắn hạn		57.592.207.206	86.214.153.695
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12.1	10.041.203.490	38.820.092.615
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	12.2	282.745.968	1.824.599.534
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	1.357.481.570	3.488.974.105
314	4. Phải trả người lao động		1.314.157.014	2.021.112.398
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	213.997.900
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	14	741.074.013	29.408.467.852
320	7. Vay ngắn hạn	15	42.481.932.885	9.724.187.568
321	8. Dự phòng phải trả ngắn hạn		206.585.299	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	16	1.167.026.967	712.721.723
330	II. Nợ dài hạn		14.984.630.788	14.542.216.087
342	1. Dự phòng phải trả dài hạn	17	834.630.788	1.041.216.087
337	2. Phải trả dài hạn khác		-	10.000.000
388	3. Vay dài hạn	15	14.150.000.000	13.491.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		90.710.682.137	92.738.851.782
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	90.710.682.137	92.738.851.782
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		65.749.980.000	65.749.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		65.749.980.000	65.749.980.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		3.350.096.346	2.214.333.235
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.610.605.791	24.774.538.547
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		16.441.272.192	2.059.276.326
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		5.169.333.599	22.715.262.221
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		163.287.520.131	193.495.221.564


Nguyễn Bá Thị Hợp
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	97.524.876.694	91.152.409.913
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	216.312.763	251.772.449
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ [10 = 01 - 02]	19.1	97.308.563.931	90.900.637.464
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	83.464.069.179	77.106.195.860
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ [20 = 10 - 11]		13.844.494.752	13.794.441.604
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	619.981.481	537.511.997
22	7. Chi phí tài chính		1.686.194.473	251.854.101
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.684.489.658	225.144.948
25	8. Chi phí bán hàng	21	2.729.625.448	1.780.029.541
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	6.221.552.697	2.233.785.511
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26]		3.827.103.615	10.066.284.448
31	11. Thu nhập khác	23	2.664.767.545	1.535.030.792
32	12. Chi phí khác		4.694.106	40.056
40	13. Lợi nhuận khác [40 = 31 - 32]		2.660.073.439	1.534.990.736
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế [50 = 30 + 40]		6.487.177.054	11.601.275.184
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	1.317.843.455	2.330.982.882
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN [60 = 50 - 51]		5.169.333.599	9.270.292.302
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	27	786	1.382
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	27	781	1.382

Nguyễn Bá Thị Hợp
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		6.487.177.054	11.601.275.184
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình		1.520.571.256	746.698.356
03	Các khoản dự phòng		119.776.980	13.380.698
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(600.305.573)	(523.561.644)
06	Chi phí lãi vay		1.684.489.658	225.144.948
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		9.211.709.375	12.062.937.542
09	Giảm các khoản phải thu		36.957.113.865	5.476.028.696
10	Tăng hàng tồn kho		(12.380.092.230)	(4.478.288.802)
11	Giảm các khoản phải trả		(57.180.276.187)	(23.654.438.148)
12	Tăng chi phí trả trước		(194.599.017)	(1.293.335.540)
14	Tiền lãi vay đã trả		(1.898.487.558)	(225.144.948)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(3.413.846.564)	(2.832.528.276)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(54.100.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(28.898.478.316)	(14.998.869.476)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.170.090.909)	(1.067.603.618)
23	Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác		(2.166.000.000)	-
27	Tiền thu lãi tiền gửi và cho vay		41.891.329	1.124.729
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(4.294.199.580)	(1.066.478.889)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay		42.967.363.829	14.064.182.118
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(9.550.618.512)	-
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(6.574.998.000)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		26.841.747.317	14.064.182.118
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(6.350.930.579)	(2.001.166.247)
60	Tiền đầu kỳ		8.910.607.965	2.597.154.179
70	Tiền cuối kỳ	4	2.559.677.386	595.987.932



Nguyễn Bá Thị Hợp
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0101809894 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 10 năm 2005. Công ty cũng đã nhận được các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 9 năm 2020.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và kinh doanh thiết bị năng lượng.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN1, Cụm Công nghiệp Từ Liêm, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 là 109 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 109).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc, thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải	3 - 7 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ.

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản dự phòng

Công ty ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Công ty có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Khi Công ty cho rằng một phần hoặc toàn bộ chi phí để thanh toán một khoản dự phòng sẽ được hoàn lại, ví dụ như thông qua hợp đồng bảo hiểm, khoản bồi hoàn này chỉ được ghi nhận là một tài sản riêng biệt khi việc nhận được bồi hoàn là gần như chắc chắn. Chi phí liên quan đến các khoản dự phòng được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ sau khi đã trừ đi các khoản bồi hoàn.

Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của một khoản dự phòng cần được chiết khấu về giá trị hiện tại sử dụng tỷ lệ chiết khấu là tỷ lệ trước thuế và phản ánh rõ những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khi giá trị của khoản dự phòng được chiết khấu, phần tăng lên theo thời gian của khoản dự phòng được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng bảo hành

Dự phòng bảo hành được trích lập dựa trên chi phí có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm của Công ty được bán ra và còn trong thời hạn bảo hành. Chi phí này được ước tính dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng cần sửa chữa trong thời hạn bảo hành còn lại của sản phẩm.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty hoặc bù đắp các tổn thất tài chính của Công ty trong tương lai.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận hàng tháng dựa trên biên bản đo lường điện năng tiêu thụ và đơn giá bán điện được quy định theo Hợp đồng mua bán ký với Công ty Mua bán điện thuộc Tập đoàn điện lực Việt Nam.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu; trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.16 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh thiết bị năng lượng. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định là Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình thân của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Tiền mặt	197.705.658	92.603.936
Tiền gửi ngân hàng	2.361.971.728	8.818.004.029
TỔNG CỘNG	<u>2.559.677.386</u>	<u>8.910.607.965</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

5.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Phải thu từ khách hàng	5.017.121.996	5.045.918.748
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	63.739.042.214	99.421.046.782
TỔNG CỘNG	<u>68.756.164.210</u>	<u>104.466.965.530</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	(324.517.909)	(204.740.929)

5.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Trả trước cho người bán	3.247.427.846	2.252.739.325
- Công ty AIMA Sport (Tianjin) Ltd	1.036.912.502	1.007.080.898
- Công ty Wuxi Ecooter Technology Co., Ltd	481.354.895	152.129.835
- Công ty Changzhou Sunnergy Energy Technology Co., Ltd	346.180.722	-
- Các khoản trả trước khác	1.382.979.727	1.093.528.592
TỔNG CỘNG	<u>3.247.427.846</u>	<u>2.252.739.325</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh (*) (<i>Thuyết minh số 26</i>)	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ (**)	3.078.000.000	912.000.000
TỔNG CỘNG	18.078.000.000	15.912.000.000

(*) Đây là khoản cho Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh, một công ty trong cùng Tập đoàn, vay tín chấp theo Hợp đồng số 01/HĐCV/SHE-SHB/2019 ngày 30 tháng 3 năm 2019 và Phụ lục gia hạn số 04/PLHĐ/SHE-SHB với lãi suất 7%/năm. Gốc vay sẽ đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2021. Lãi vay trả hàng tháng.

(**) Đây là các khoản cho Công ty Cổ phần Thương mại Quốc tế Phú Sỹ vay tín chấp theo các Hợp đồng số 01, 02, 03/HĐCV/SHE-FJ/2020, với lãi suất từ 7%/năm đến 10%/năm. Gốc vay sẽ đáo hạn lần lượt vào các ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngày 4 tháng 5 năm 2022 và ngày 25 tháng 6 năm 2022. Lãi vay trả hằng tháng.

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Dự phòng</i>
Phải thu về mua cổ phần (*)	1.072.000.000	(1.072.000.000)	1.072.000.000	(1.072.000.000)
Tạm ứng cho nhân viên	755.886.100	-	790.253.500	-
Ký quỹ, ký cược	34.000.000	-	2.089.000.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	210.554.713	-	174.491.229	-
TỔNG CỘNG	2.072.440.813	(1.072.000.000)	4.125.744.729	(1.072.000.000)

(*) Đây là khoản phải thu Ông Kiều Thanh Phong và Ông Nguyễn Văn Thảo số tiền đã chuyển cho các cá nhân này để mua cổ phần tại Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 1 tháng 7 năm 2011. Tuy nhiên, theo kết luận của Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội ngày 16 tháng 4 năm 2013, các cá nhân đều không có căn cứ chứng minh đã góp vốn vào Công ty Cổ phần Năng lượng Toàn Mỹ và Hợp đồng chuyển nhượng không được công nhận. Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản này.

8. NỢ XẤU

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi</i>
Ông Hoàng Trọng Thủy	171.397.909	-	181.397.909	10.000.000
Ông Kiều Thanh Phong	536.000.000	-	536.000.000	-
Ông Nguyễn Văn Thảo	536.000.000	-	536.000.000	-
Các đối tác doanh nghiệp	510.400.000	357.280.000	204.782.039	171.439.019
TỔNG CỘNG	1.753.797.909	357.280.000	1.458.179.948	181.439.019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Hàng mua đang đi đường	2.165.102.476	-	-	-
Nguyên vật liệu	23.332.077.785	-	14.969.536.480	-
Công cụ, dụng cụ	517.661.217	-	435.958.133	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	432.957.593	-	2.287.282.655	-
Thành phẩm	6.977.836.535	-	3.528.587.906	-
Hàng hóa	4.157.610.327	-	4.011.949.861	-
TỔNG CỘNG	37.583.245.933	-	25.233.315.035	-

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	34.137.757.233	1.315.891.818	139.947.166	35.593.596.217
Mua trong kỳ	30.161.332	-	-	30.161.332
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	34.167.918.565	1.315.891.818	139.947.166	35.623.757.549
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết</i>	2.965.015.045	-	-	2.965.015.045
Giá trị khấu hao lũy kế:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	5.751.514.421	371.427.717	23.426.029	6.146.368.167
Khấu hao trong kỳ	1.376.600.705	114.579.708	19.162.343	1.510.342.756
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	7.128.115.126	486.007.425	42.588.372	7.656.710.923
Giá trị còn lại:				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	28.386.242.812	944.464.101	116.521.137	29.447.228.050
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	27.039.803.439	829.884.393	97.358.794	27.967.046.626

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã sử dụng máy móc, thiết bị của Dự án đầu tư hệ thống năng lượng mặt trời Chu Lai tại huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam và hệ thống năng lượng mặt trời Cánh Cá tại huyện Tam Quang, tỉnh Quảng Nam làm tài sản đảm bảo cho khoản vay ngân hàng của Công ty (Thuyết minh số 15).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Chi phí sửa chữa lớn	1.765.828.584	1.930.296.739
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	593.026.161	638.910.558
Chi phí biển quảng cáo	421.988.394	-
Chi phí trả trước khác	119.409.249	47.334.440
TỔNG CỘNG	2.900.252.388	2.616.541.737

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

12.1 Phải trả người bán ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Phải trả cho người bán	7.829.790.884	7.829.790.884	9.361.883.479	9.361.883.479
- Công ty TNHH Cơ khí Thương mại Đại Nam	1.290.580.564	1.290.580.564	950.375.845	950.375.845
- Công ty TNHH Công Nghệ Tecomen	1.504.598.535	1.504.598.535	-	-
- Phải trả người bán khác	5.034.611.785	5.034.611.785	8.411.507.634	8.411.507.634
Phải trả cho các bên liên quan (Thuyết minh số 26)	2.211.412.606	2.211.412.606	29.458.209.136	29.458.209.136
TỔNG CỘNG	10.041.203.490	10.041.203.490	38.820.092.615	38.820.092.615

12.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Hà Tây	150.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ điện và Xây dựng Trương Lê	127.506.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công trình Việt Nam	-	680.160.000
Công ty TNHH Đào tạo Nghề và Dịch vụ Thẩm Mỹ Bích Hòa	-	391.600.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Du lịch Thương mại Bạch Long	-	353.000.000
Người mua trả tiền trước khác	5.239.968	399.839.534
TỔNG CỘNG	282.745.968	1.824.599.534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>
Thuế giá trị gia tăng	-	2.808.761.025	(2.808.761.025)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.413.653.545	1.317.843.455	(3.413.846.564)	1.317.650.436
Thuế thu nhập cá nhân	75.320.560	290.964.753	(326.454.179)	39.831.134
Thuế khác	-	1.624.605.879	(1.624.605.879)	-
TỔNG CỘNG	<u>3.488.974.105</u>	<u>6.042.175.112</u>	<u>(8.173.667.647)</u>	<u>1.357.481.570</u>

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Kinh phí công đoàn	180.953.000	169.890.700
Phải trả về Thư tín dụng	-	28.551.528.000
Phải trả ngắn hạn khác	560.121.013	687.049.152
TỔNG CỘNG	<u>741.074.013</u>	<u>29.408.467.852</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020		Số phát sinh trong kỳ		Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Vay ngắn hạn							
Vay ngân hàng	15.1	7.987.687.568	40.829.863.829	8.907.618.512	39.909.932.885	39.909.932.885	
Vay dài hạn đến hạn trả	15.2	1.736.500.000	1.478.500.000	643.000.000	2.572.000.000	2.572.000.000	
TỔNG CỘNG		9.724.187.568	42.308.363.829	9.550.618.512	42.481.932.885	42.481.932.885	
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	15.2	13.491.000.000	2.137.500.000	1.478.500.000	14.150.000.000	14.150.000.000	
TỔNG CỘNG		13.491.000.000	2.137.500.000	1.478.500.000	14.150.000.000	14.150.000.000	

15.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	39.909.932.885	Thời hạn mỗi khoản vay là 5,5 tháng với khoản vay cuối cùng đáo hạn vào ngày 3 tháng 12 năm 2021. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng.	6,5%	Tin chấp
TỔNG CỘNG	39.909.932.885			

Công ty Cổ phần Phát triển Năng lượng Sơn Hà

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. VAY (tiếp theo)

15.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối kỳ (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thanh Xuân	7.117.000.000	Thời hạn vay là 7 năm. Gốc vay được trả 3 tháng 1 lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 6 năm 2021 đến ngày 25 tháng 12 năm 2027. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng.	Kỳ đầu tiên từ ngày giải ngân tới 31/12/2021 lãi suất là 8%/năm. Các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 24 tháng tại BIDV cộng biên độ 3,5%/năm	Toàn bộ hệ thống máy móc thiết bị tại dự án Điện mặt trời Cảng cá
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An	9.605.000.000	Thời hạn vay là 7 năm. Gốc vay được trả 3 tháng 1 lần bắt đầu từ ngày 25 tháng 4 năm 2021 đến ngày 12 tháng 10 năm 2027. Lãi vay được trả vào ngày 25 hàng tháng.	Lãi suất trong 2 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên là 8,9%, các kỳ tiếp theo áp dụng lãi suất theo lãi suất tiền gửi tiết kiệm 12 tháng tại ngân hàng cộng biên độ 4%/năm	Toàn bộ quyền thu hồi công nợ bán điện từ hệ thống điện mặt trời mái nhà theo hợp đồng mua bán điện số 66 ngày 11/12/2020 ký với tổng công ty điện lực Miền Trung và máy móc thiết bị thuộc Dự án đầu tư hệ thống năng lượng Mặt trời Chu Lai

TỔNG CỘNG

16.722.000.000

Trong đó:

Vay dài hạn đến hạn trả

2.572.000.000

Vay dài hạn

14.150.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Số đầu kỳ	712.721.723	263.478.565
Trích lập quỹ trong kỳ (<i>Thuyết minh số 18</i>)	454.305.244	513.943.158
Sử dụng quỹ trong kỳ	-	(54.100.000)
Số cuối kỳ	<u>1.167.026.967</u>	<u>723.321.723</u>

17. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2020</i>
Dự phòng chi phí bảo hành (*)	787.412.288	993.997.587
Dự phòng trợ cấp thôi việc	47.218.500	47.218.500
TỔNG CỘNG	<u>834.630.788</u>	<u>1.041.216.087</u>

(*) Đây là khoản dự phòng chi phí bảo hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 cho các sản phẩm đã bán và còn trong thời hạn bảo hành của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn cổ phần đã phát hành	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020				
Ngày 31 tháng 12 năm 2019	50.000.000.000	929.475.341	25.758.054.965	76.687.530.306
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	9.270.292.302	9.270.292.302
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	1.284.857.894	(1.284.857.894)	-
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(513.943.158)	(513.943.158)
- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát	-	-	(156.000.000)	(156.000.000)
- Cổ tức	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
- Giảm khác	-	-	(993.997.587)	(993.997.587)
Ngày 30 tháng 6 năm 2020	<u>50.000.000.000</u>	<u>2.214.333.235</u>	<u>27.079.548.628</u>	<u>79.293.881.863</u>
Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021				
Ngày 31 tháng 12 năm 2020	65.749.980.000	2.214.333.235	24.774.538.547	92.738.851.782
- Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	5.169.333.599	5.169.333.599
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (*)	-	1.135.763.111	(1.135.763.111)	-
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-	(454.305.244)	(454.305.244)
- Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát (*)	-	-	(168.200.000)	(168.200.000)
- Cổ tức (*)	-	-	(6.574.998.000)	(6.574.998.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>65.749.980.000</u>	<u>3.350.096.346</u>	<u>21.610.605.791</u>	<u>90.710.682.137</u>

(*) Theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-SHE ngày 15 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc trích lập các quỹ, chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát và chia cổ tức bằng tiền từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020.

Cũng căn cứ theo Nghị quyết nêu trên, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc phát hành 98.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) với giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu và 1.314.999 cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020. Tại ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Công ty vẫn đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết cho nội dung này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vốn đã góp		
Số đầu kỳ	65.749.980.000	50.000.000.000
Tăng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>65.749.980.000</u>	<u>50.000.000.000</u>
Cổ tức đã công bố	19.724.988.000	5.000.000.000
Trong đó:		
Cổ tức bằng tiền đã thanh toán trong kỳ	6.574.998.000	5.000.000.000
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố, chờ thực hiện (*)	13.149.990.000	-

(*) Như được trình bày ở Thuyết minh 18.1, theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-SHE ngày 15 tháng 6 năm 2021, Đại hội đồng cổ đông Công ty đã phê duyệt việc phát hành 1.314.999 cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho đến ngày phát hành báo cáo này, việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu vẫn đang trong quá trình thực hiện.

18.3 Cổ phiếu

	Đơn vị tính: Số lượng	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	6.574.998	6.574.998
Cổ phiếu phổ thông	6.574.998	6.574.998
Cổ phiếu đang lưu hành	6.574.998	6.574.998
Cổ phiếu phổ thông	6.574.998	6.574.998

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu là SHE.

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành tại ngày 30 tháng 6 năm 2021: 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phiếu).

18.4 Cổ tức

	Đơn vị tính: VND	
	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Cổ tức bằng tiền đã công bố trong năm		
Cổ tức cho năm 2019 (lần 2): VND 1.000/cổ phiếu	-	5.000.000.000
Cổ tức bằng tiền mặt cho năm 2020: VND 1.000/cổ phiếu	6.574.998.000	-
Cổ tức bằng cổ phiếu đã công bố trong năm		
Cổ tức bằng cổ phiếu cho năm 2020: 2 cổ phiếu mới/10 cổ phiếu đang sở hữu	13.149.990.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tổng doanh thu	97.524.876.694	91.152.409.913
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	22.406.356.999	22.303.110.039
Doanh thu bán thành phẩm	72.805.291.013	68.729.010.572
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.254.251.099	70.291.121
Doanh thu khác	58.977.583	49.998.181
Các khoản giảm trừ doanh thu	(216.312.763)	(251.772.449)
Chiết khấu thương mại	(113.836.364)	(127.102.279)
Hàng bán bị trả lại	(102.476.399)	(124.670.170)
Doanh thu thuần	97.308.563.931	90.900.637.464
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	9.164.474.461	3.705.931.308
Doanh thu đối với các bên liên quan	88.144.089.470	87.194.706.156

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	600.305.573	524.686.373
Lãi chênh lệch tỷ giá	19.675.908	12.825.624
TỔNG CỘNG	619.981.481	537.511.997

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	19.072.080.517	17.737.424.318
Giá vốn của thành phẩm đã bán	63.749.112.443	59.328.721.077
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	642.876.219	40.050.465
TỔNG CỘNG	83.464.069.179	77.106.195.860

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên	1.079.543.462	753.418.525
Chi phí khấu hao tài sản cố định và chi phí trả trước phân bổ	498.259.142	45.835.245
Chi phí bảo hành	491.447.757	216.268.757
Chi phí dịch vụ mua ngoài	600.931.616	674.199.816
Chi phí khác	59.443.471	90.307.198
TỔNG CỘNG	<u>2.729.625.448</u>	<u>1.780.029.541</u>

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nhân viên quản lý	2.863.586.821	1.350.119.364
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định	732.190.541	75.583.234
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.091.371.680	329.960.551
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	119.776.980	-
Chi phí khác	414.626.675	478.122.362
TỔNG CỘNG	<u>6.221.552.697</u>	<u>2.233.785.511</u>

23. THU NHẬP KHÁC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Thu nhập từ lãi phạt chậm trả theo hợp đồng	2.657.160.549	1.495.881.046
Các khoản khác	7.606.996	39.149.746
TỔNG CỘNG	<u>2.664.767.545</u>	<u>1.535.030.792</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu và hàng hóa	78.364.216.647	70.045.469.359
Chi phí nhân công	7.681.398.253	6.355.077.967
Chi phí khấu hao, hao mòn tài sản cố định	1.520.571.256	746.698.356
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.288.683.062	6.710.007.307
Chi phí khác	1.155.301.673	1.399.860.586
TỔNG CỘNG	<u>94.010.170.891</u>	<u>85.257.113.575</u>

25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") của Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

25.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.317.843.455	2.330.982.882
TỔNG CỘNG	<u>1.317.843.455</u>	<u>2.330.982.882</u>

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	6.487.177.054	11.601.275.184
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	1.297.435.411	2.320.255.037
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>		
Chi phí không được khấu trừ	20.408.044	10.727.845
Chi phí thuế TNDN	<u>1.317.843.455</u>	<u>2.330.982.882</u>

25.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Bên liên quan khác	Bán hàng	4.179.106.355	4.730.084.585
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	6.479.815.726	9.073.778.013
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	1.842.942.302	1.751.286.450
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	11.726.773.302	7.049.343.176
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng Mua hàng Lãi cho vay	851.102.974 23.757.983.002 520.684.931	815.000.081 19.886.958.293 523.561.644
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng và dịch vụ	4.290.286.482	3.096.778.012
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị nhà bếp Sơn Hà	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng và dịch vụ	-	2.108.716.995
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ	Bán hàng Mua hàng và dịch vụ Trả cổ tức	62.866.643.560 9.941.265.427 3.353.350.000	62.972.249.064 11.376.705.046 -

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ mua bán hàng hóa, cung cấp và sử dụng dịch vụ với các bên liên quan được thực hiện trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 không cần bảo đảm, không có lãi suất ngoại trừ các khoản cho vay tính lãi đối với Công ty TNHH MTV Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh và các khoản phải thu từ Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà – Công ty mẹ của Công ty, và sẽ được thanh toán bằng tiền hoặc cán trừ công nợ. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (31 tháng 12 năm 2020: 0 VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5.1)				
Công ty Cổ phần Sơn Hà Sài Gòn	Bên liên quan khác	Bán hàng	490.135.800	2.176.307.870
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà Nghệ An	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	873.142.724	2.402.037.570
Công ty TNHH Một thành viên Toàn Mỹ Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	690.099.924	456.344.965
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Toàn Mỹ	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	1.100.407.527	2.107.380.649
Công ty Cổ phần Quốc tế Sơn Hà	Công ty mẹ	Bán hàng	60.085.149.722	82.868.242.216
Công ty Cổ phần Điện Mặt Trời Sơn Hà FREESOLAR	Công ty cùng Tập đoàn	Bán hàng	499.997.162	9.390.358.432
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Bán hàng	109.355	20.375.080
TỔNG CỘNG			63.739.042.214	99.421.046.782
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 6)				
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty cùng Tập đoàn	Phải thu về cho vay	15.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG			15.000.000.000	15.000.000.000
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12.1)				
Công ty TNHH Một thành viên Sơn Hà SSP Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng	846.441.675	1.080.979.049
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Gia dụng Sơn Hà Bắc Ninh	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng	374.632.652	28.377.230.087
Công ty TNHH Một thành viên Thiết bị Nhà bếp Sơn Hà	Công ty cùng Tập đoàn	Mua hàng	990.338.279	-
TỔNG CỘNG			2.211.412.606	29.458.209.136

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT") và Ban Giám đốc

Tên	Chức vụ	Đơn vị tính: VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Ông Lê Vĩnh Sơn	Chủ tịch HĐQT	18.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Mạnh Tân	Thành viên HĐQT, Giám đốc	584.100.582	445.751.537
Ông Đàm Quang Hùng	Thành viên HĐQT	9.000.000	9.000.000
Bà Nông Thị Thanh Vân	Thành viên HĐQT	9.000.000	9.000.000
Bà Bùi Minh Trang	Thành viên HĐQT	9.000.000	9.000.000
Ông Nhữ Văn Hoan	Thành viên HĐQT	9.000.000	-
Ông Trần Anh Tuấn	Phó Giám đốc	290.836.587	299.306.794
Ông Đinh Đức Tuấn	Phó Giám đốc	271.113.612	-
TỔNG CỘNG		1.200.050.781	790.058.331

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Các thành viên của Ban Giám đốc có quyền được mua 53.900 cổ phiếu của Công ty với giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động căn cứ theo Nghị quyết số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-SHE của Đại hội đồng Cổ đông ngày 15 tháng 6 năm 2021 và Nghị quyết số 08/2021/NQ-SHE của Hội đồng Quản trị ngày 27 tháng 7 năm 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.169.333.599	9.270.292.302
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(185.405.846)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty	5.169.333.599	9.084.886.456
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.574.998	6.574.998
Ảnh hưởng suy giảm (**)	43.775	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	6.618.773	6.574.998
Lãi trên cổ phiếu		
Lãi cơ bản	786	1.382
Lãi suy giảm	781	1.382

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn trước đã được điều chỉnh lại so với số liệu so sánh của năm trước trong báo cáo tài chính cho năm nay để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ-SHE ngày 15 tháng 6 năm 2021.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(**) Đây là ảnh hưởng của số cổ phiếu sẽ phát hành trong tương lai theo chương trình lựa chọn cho người lao động như trình bày tại Thuyết minh số 18.1.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty hiện đang thuê văn phòng, nhà xưởng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	4.851.547.946	1.783.418.536
Từ 1 đến 5 năm	7.846.764.032	6.839.739.287
Trên 5 năm	6.076.000.000	14.063.026.849
TỔNG CỘNG	18.774.311.978	22.686.184.672

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty



Nguyễn Bá Thị Hợp
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Hoàng Mạnh Tân
Giám đốc

Ngày 14 tháng 8 năm 2021